

Số: 45 /2024/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 3877/TTr-SNN ngày 14 tháng 10 năm 2024 ban hành Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định cụ thể diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đối với việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, đất trồng lúa được thực hiện theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan khác có liên quan.
2. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do thuê quyền sử dụng đất của người sử dụng đất khác; do nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
3. Các đối tượng khác có liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

## **Điều 3. Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

1. Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được quy định như sau:

a) Đất có tổng diện tích dưới 01 ha thì diện tích công trình được phép xây dựng tối đa là 100 m<sup>2</sup>.

b) Đất có tổng diện tích từ 01 đến 03 ha thì tỷ lệ diện tích công trình được phép xây dựng tối đa là 1% trên tổng diện tích.

c) Đất có tổng diện tích trên 03 ha thì phần diện tích từ 03 ha trở xuống sẽ thực hiện theo quy định điểm b khoản 1 Điều này; đối với phần diện tích vượt phạm vi 03 ha thì diện tích công trình được phép xây dựng tối đa được cộng thêm 0,5% tổng diện tích vượt phạm vi 03 ha và tổng diện tích xây dựng công trình không vượt quá 5.000 m<sup>2</sup>.

3. Việc xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phải đảm bảo việc chỉ phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đồng thời phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

4. Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều này không cần thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất và vẫn được thống kê là loại đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện hữu.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25... tháng 10... năm 2024.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn quy trình thực hiện; chủ trì tổng hợp, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi việc triển khai thực hiện, thường xuyên phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét hồ sơ, cho phép xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn quản lý.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐDBQH, HĐND & UBND tỉnh.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH.  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chiến**